SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN QUẬN PHÚ NHUẬN

Số: 426 /TB-BVPN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phú Nhuận, ngày 02 tháng 02 năm 2024

THÔNG BÁO KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Gói thầu thuốc Generic
thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Mua sắm thuốc bổ sung năm 2022 -2023
(lần 2) của Bệnh viện Quận Phú Nhuận.

Kính gửi: Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn

Căn cứ Quyết định số 34/QĐ-BVPN ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Giám Đốc về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu thuốc Generic thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Mua sắm thuốc bổ sung năm 2022 -2023 (lần 2) của Bệnh viện Quận Phú Nhuận

Bệnh viện quận Phú Nhuận trân trọng thông báo đến Nhà thầu kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu thuốc Generic như sau:

- Tổng số sản phẩm trúng thầu: .....02.....sản phẩm – đính kèm danh mục.
- Tổng số sản phẩm không trúng thầu: .....04.....sản phẩm – đính kèm danh mục.
- Giá trị trúng thầu: 2.543.800 đồng
- Bằng chữ: Hai triệu năm trăm bốn mươi ba ngàn tám trăm đồng
- Loại hợp đồng: hợp đồng trọn gói.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 13/9/2024.
- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 2% giá trị của hợp đồng.
- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực 13 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (hai bên hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng).
- Thời gian nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: kể từ ngày có thông báo trúng thầu đến ngày 06/02/2024.

hời gian hoàn thiện hợp đồng: Từ ngày 02/02/2024 đến ngày 06/02/2024.

Thời gian ký kết hợp đồng: ngày 06/02/2024 tại Bệnh viện quận Phú Nhuận.

Đề nghị Công ty cử người đến nhận kết quả lựa chọn nhà thầu. Đề nghị nhà thầu kiểm tra thông tin danh mục các thuốc trúng thầu để tiến hành hoàn thiện hợp đồng với bệnh viện.

Mọi chi tiết xin liên hệ: Khoa Dược – Bệnh viện quận Phú Nhuận địa chỉ: số 274 Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh (ĐT: 028.38478700).

Bệnh viện quận Phú Nhuận thông báo để nhà thầu được biết và thực hiện.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
-Như trên
-Lưu: VT, Dược

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN MỜI THẦU
PHÓ GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN QUẬN PHÚ NHUẬN

BS.CKII. Lê Thị Kim Hạnh

...GHĨA VIỆT NAM

SỞ Y TẾ TP.HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN QUẬN PHÚ NHUẬN

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THUỐC TRÚNG THẦU
GÓI THẦU THUỐC GENERIC
(Đính kèm Thông báo số 126/TB-BVPN ngày 02 tháng 02 năm 2024 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu)

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hạn dùng (Tháng)	Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
1	1	Acetazolamid	Acetazolamid		VD-27844-17	36	250mg	Viên nén	Uống	Viên	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic	Việt Nam	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	1.120	1.990	2.228.800
2	88	Mỗi 100ml dung dịch chứa Natriclorid 0,45g	Natri clorid 0,45%		893110118623	24	0,45%;500ml	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền	Chai	Thùng 20 chai x 500ml	Công ty cổ phần kỹ thuật Dược Bình Định	Việt Nam	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	10.500	30	315.000

Tổng số sản phẩm trúng thầu: 2

Tổng giá trị trúng thầu: 2.543.800

Số tiền bằng chữ: *Hai triệu, năm trăm bốn mươi ba ngàn, tám trăm đồng.*

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN QUẬN PHÚ NHUẬN

Số: 427/BVPN-KD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phú Nhuận, ngày 02 tháng 02 năm 2024

THƯ CHẤP THUẬN HỒ SƠ DỰ THẦU VÀ TRAO HỢP ĐỒNG

Kính gửi: Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn

Về việc: Thông báo chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng.

Căn cứ Quyết định số 341/QĐ-BVPN ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Giám đốc Bệnh viện quận Phú Nhuận về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu thuốc Generic thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Mua sắm thuốc bổ sung năm 2022 -2023 (lần 2), Bên mời thầu Bệnh viện quận Phú Nhuận, (sau đây gọi tắt là *"Bên mời thầu"*) xin thông báo Chủ đầu tư đã chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện Gói thầu Generic như sau:

Giá trị hợp đồng: 2.543.800 đồng (Bằng chữ: Hai triệu năm trăm bốn mươi ba ngàn tám trăm đồng)

Thời gian thực hiện hợp đồng: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 13/09/2024.

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo kế hoạch như sau:

Thời gian hoàn thiện hợp đồng: Từ ngày 02/02/2024 đến 06/02/2024.

Thời gian ký kết hợp đồng: Ngày 06/02/2024 tại Bệnh viện quận Phú Nhuận.

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hợp đồng theo mẫu số 17 Chương VIII – Biểu mẫu hợp đồng của hồ sơ mời thầu với số tiền 2% giá trị hợp đồng và Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực 13 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (hai bên hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng).

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu phải có văn bản chấp thuận đến hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên, trong đó Nhà thầu phải cam kết năng lực hiện tại của Nhà thầu vẫn đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu. Chủ đầu tư sẽ

từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày 06 tháng 02 năm 2024 mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

Trân trọng./.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN MỜI THẦU

PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN QUẬN PHÚ NHUẬN

BS.CKH. Lê Thị Kim Hạnh

Tài liệu đính kèm: Dự thảo hợp đồng.

BỘ Y TẾ
VIỆN HUYẾT HỌC-TRUYỀN MÁU TW

Số: 439 /QĐ-HHTM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Thuốc Generic (gồm 416 danh mục – 5 nhóm) thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc lần 1 năm 2024 của Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương

VIỆN TRƯỞNG VIỆN HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU TRUNG ƯƠNG

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/07/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc Quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư 29/2020/TT-BYT ngày 31/12/2021 sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành, liên tịch ban hành;

Căn cứ Quyết định số 2556/QĐ-BYT ngày 19/6/2017 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 2518/QĐ-HHTM ngày 19/12/2023 của Viện trưởng Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc lần 1 năm 2024 của Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 2572/QĐ-HHTM ngày 27/12/2023 của Viện trưởng Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương về việc phê duyệt Hồ sơ mời thầu gói thầu Thuốc generic (gồm 416 danh mục – 5 nhóm) thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc lần 1 năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 249/QĐ-HHTM ngày 12/03/2024 của Viện trưởng Viện Huyết học – Truyền máu Trung ương về phê duyệt danh sách mặt hàng và nhà thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật gói thầu Thuốc Generic (gồm 416 danh mục – 5 nhóm);

Xét Báo cáo đánh giá Hồ sơ đề xuất tài chính gói thầu gói thầu Thuốc generic (gồm 416 danh mục – 5 nhóm) của Tổ chuyên gia đánh giá Hồ sơ dự thầu cung cấp thuốc ngày 08/04/2024 và hồ sơ kèm theo;

Xét Báo cáo thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất tài chính gói thầu Thuốc Generic (gồm 416 danh mục – 5 nhóm) ngày 12/04/2024 của Tổ thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu cung cấp thuốc và các tài liệu kèm theo;

Theo đề nghị của ông Tổ trưởng Tổ thẩm định, Tổ trưởng Tổ chuyên gia.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Thuốc Generic (gồm 416 danh mục - 5 nhóm) thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc lần 1 năm 2024 của Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương gồm 270 mặt hàng của 62 nhà thầu, tổng giá trị là **608.081.911.110 VNĐ** (*Sáu trăm linh tám tỷ, không trăm tám mươi mốt triệu, chín trăm mười một nghìn, một trăm mười đồng),* cụ thể:

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, xét theo mặt hàng.

- Nguồn vốn: Nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và nguồn thu hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ của Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương.

- Danh mục thuốc và nhà thầu trúng thầu: Theo Phụ lục đính kèm.

- Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Điều 2. Các khoa phòng và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm trình ký hợp đồng với nhà thầu trúng thầu cung cấp hàng hóa dịch vụ theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Các nhà thầu trúng thầu (theo phụ lục đính kèm) và các phòng ban, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU TRUNG ƯƠNG

Nguyễn Hà Thanh

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 3;
- Bộ Y tế (để báo cáo);
- TCKT (2);
- Lưu: VT, KD.

Phụ lục. DANH MỤC THUỐC TRÚNG THẦU

Gói thuốc Generic (gồm 416 danh mục - 5 nhóm)

Kèm theo Quyết định số 438 /QĐ-HHTM ngày 10/04/2024 của Viện trưởng Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương

STT	STT trong HSMT	Nhóm TCKT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Số GPLH	Đường dùng	Dạng bào chế	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Hạn dùng	Đơn vị tính	Nhà thầu	Số lượng trúng thầu	Đơn giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	1	1	Calquence	Acalabrutinib	100mg	730110017023	Uống	Viên nang cứng	AstraZeneca AB	Thụy Điển	Hộp 10 vỉ x 6 viên	36 tháng	Viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	2,160	1,998,570	4,316,911,200
2	2	2	SaVILeucin	N-Acetyl DL-Leucin	500mg	VD-29126-18	Uống	Viên nén	Công ty CP Dược phẩm SaVi	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	36 tháng	Viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HQ	10,000	2,200	22,000,000
3	3	1	Camzitol	Acid acetylsalicylic	100mg	VN-22015-19	Uống	Viên nén	Farmalabor Produtos Farmacêuticos, S.A (Fab.)	Portugal	Hộp 6 vỉ x 10 viên	24 tháng	Viên	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM MINH QUÂN	50,000	2,870	143,500,000
4	4	2	Azein Inj	Acyclovir	250mg	VN-21540-18	Tiêm	Bột đông khô pha tiêm	Myung In Pharm.Co., Ltd	Korea	Hộp 10 lọ	36 tháng	Lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ THƯƠNG MẠI ĐẠI THỦY	850	247,000	209,950,000
5	5	4	Aciclovir 200mg	Aciclovir	200mg	VD-22934-15	Uống	Viên nén	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	36 tháng	Viên	LIÊN DANH THẦU CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH DÂN – CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	200,000	404	80,800,000
6	6	4	Acid Amin 5%	Acid amin	5%-200ml	VD-28286-17 Gia hạn số: 62/QĐ-QLD ngày 08/02/2023	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam	Việt Nam	Chai 200ml	36 tháng	Chai	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	4000	53,000	212,000,000
7	8	4	Aminparen 10%	Acid amin	10%-200ml	893110453623	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam	Việt Nam	Thùng 20 túi x 200ml	24 tháng	Chai	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	2,000	63,000	126,000,000
8	11	2	Nephgold	Acid amin (Dành cho bệnh nhân suy giảm chức năng thận)	5,4%-250ml	VN-21299-18	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	JW Life Science Corporation	Hàn Quốc	Thùng carton chứa 10 túi x 250ml	24 tháng	Túi	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ - UK PHARMA	2000	95,000	190,000,000
9	13	1	Nutriflex peri 1000ml	Isoleucine + Leucine + Lysine hydrochloride + Methionine + Phenylalanine + Threonine + Tryptophan + Valine + Arginine glutamate + Histidine hydrochloride monohydrate + Alanine + Aspartic Acid + Glutamic Acid + Glycine + Proline + Serine + Magnesium acetate tetrahydrate + Sodium acetate trihydrate + Sodium chloride + Sodium hydroxide + Potassium hydroxide + Potssium Dihydrogen Phosphate + Glucose monohydrate + Calcium Chloride Dihydrate	Mỗi 1000ml chứa : Isoleucine 2,34g , Leucine 3,13g , Lysine hydrochloride 2,84g (tương đương Lysine 2,27g), Methionine 1,96g , Phenylalanine 3,51g , Threonine 1,82g , Tryptophan 0,57g , Valine 2,6g , Arginine monoglutamate 4,98g (tương đương Arginine 2,70g và Glutamic acid 2,28g) , Histidine hydrochloride monohydrate 1,69g (tương đương Histidine 1,25g) , Alanine 4,85g , Aspartic acid 1,50g , Glutamic acid 1,22g , Glycine1,65g , Proline 3,40g , Serine 3,00g , Magnesium acetate tetrahydrate 0,86g , Sodium acetate trihydrate 1,56g , Sodium hydroxide 0,50g , Potassium hydroxide 0,52g , Potassium Dihydrogen Phosphate 0,78g , Sodium chloride 0,17g , Glucose monohydrate 88,0g (tương đương Glucose 80,0g) Calcium Chloride Dihydrate 0,37g	VN-18157-14	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	B.Braun Medical AG	Thụy Sỹ	Hộp 05 túi 1000ml	24 tháng	Túi	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHÚ THÁI	3,000	404,618	1,213,854,000
10	14	2	Combilipid MCT Peri Injection	Acid amin + glucose + lipid	(8% 150ml + 16% 150ml+ 20% 75ml)/ Túi 375ml	VN-21297-18	Tiêm truyền	Nhũ tương tiêm truyền	JW Life Science Corporation	Hàn Quốc	Thùng carton chứa 8 túi x 375ml	24 tháng	Túi	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ - UK PHARMA	2000	560,000	1,120,000,000

STT	STT trong HSMT	Nhóm TCKT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Số GPLH	Đường dùng	Dạng bào chế	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Hạn dùng	Đơn vị tính	Nhà thầu	Số lượng trúng thầu	Đơn giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
11	15	1	Smofkabiven peripheral	Túi 3 ngăn 1206ml chứa: 656ml dung dịch glucose 13% (Glucose 85 gam (dạng Glucose monohydrat)) + 380ml dung dịch acid amin có điện giải (Alanin 5,3 gam; Arginin 4,6 gam. Calci clorid 0,21 gam (dạng Calci clorid dihydrat); Glycin 4,2 gam; Histidin 1,1 gam; Isoleucin 1,9 gam; Leucin 2,8 gam; Lysin 2,5 gam (dạng Lysin acetat); Magnesi sulfat 0,46 gam (dạng Magnesi sulfat heptahydrat); Methionin 1,6 gam; Phenylalanin 1,9 gam; Kali clorid 1,7 gam; Prolin 4,2 gam; Serin 2,5 gam; Natri acetat 1,1 gam (dạng Natri acetat trihydrat); Natri glycerophosphat 1,6 gam; Taurin 0,38 gam; Threonin 1,7 gam; Tryptophan 0,76 gam; Tyrosin 0,15 gam; Valin 2,4 gam; Kẽm sulfat 0,005 gam (dạng Kẽm sulfat heptahydrat)) + 170ml nhũ tương mỡ 20% (Dầu đậu tương tinh chế 10,2 gam; Triglycerid mạch trung bình 10,2 gam; Dầu ô-liu tinh chế 8,5 gam; Dầu cá giàu acid béo omega-3 5,1 gam).	Glucose (85g; 13%; 656ml), dung dịch acid amin có điện giải (37,99g; 10%; 380ml) và nhũ tương mỡ Intralipid (34g; 20%; 170ml)	VN-20278-17	Tiêm truyền tĩnh mạch (IV)	Nhũ tương truyền tĩnh mạch	Fresenius Kabi AB	Thụy Điển	Thùng 4 túi 3 ngăn 1206ml	18 tháng	Túi	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW2	1000	720,000	720,000,000
12	16	2	Combilipid MCT Peri Injection	Acid amin + glucose + lipid	(8% 500ml + 16% 500ml + 20% 250ml)/ Túi 1250ml	VN-21297-18	Tiêm truyền	Nhũ tương tiêm truyền	JW Life Science Corporation	Hàn Quốc	Thùng carton chứa 4 túi x 1250ml	24 tháng	Túi	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ - UK PHARMA	1000	820,000	820,000,000
13	18	1	Albunorm 50g/l	Human Albumin	25g/500ml	QLSP-1102-18	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Octapharma Pharmazeutika Produktionsges. m.b.H	Áo	Hộp 1 chai 500ml	36 tháng	chai	CÔNG TY TNHH BÌNH VIỆT ĐỨC	500	2,500,000	1,250,000,000
14	20	1	Drenoxol	Ambroxol hydrochlorid	30mg/ 10mL	VN-21986-19	uống	Siro	Laboratórios Vitória, S.A	Bồ Đào Nha	Hộp 20 ống x 10mL	30 tháng	Ống	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NAM ĐỒNG	10,000	8,600	86,000,000
15	21	1	Diaphyllin Venosum	Aminophylin	240mg	VN-19654-16	Tiêm	Dung dịch thuốc tiêm	Gedeon Richter Plc	Hungary	Hộp 5 ống 5ml	60 tháng	Ống	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE	500	17,500	8,750,000
16	24	1	Ama - Power	Ampicilin (dưới dạng ampicilin natri); Sulbactam (dưới dạng Sulbactam natri)	1000mg; 500mg	VN-19857-16	Tiêm	Bột pha tiêm	S.C. Antibiotice S.A.	Rumani	Hộp 50 lọ	36 tháng	Lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN AMERIVER VIỆT NAM	10,000	61,700	617,000,000
17	26	4	Visulin 2g/1g	Ampicilin + Sulbactam	2g+ 1g	VD-27150-17	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Việt Nam	Hộp 10 lọ	36 tháng	Lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ THƯƠNG MẠI ĐẠI THỦY	10,000	52,000	520,000,000
18	27	1	Eraxis	Anidulafungin	100mg	VN3-390-22	Truyền tĩnh mạch	Bột đông khô pha dung dịch truyền	Pharmacia and Upjohn Company LLC	Mỹ	Hộp 1 lọ	36 tháng	Lọ	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW2	500	3,830,400	1,915,200,000
19	28	1	Grafalon	Anti-human T-lymphocyte immunoglobulin from rabbit	20mg/ml x 5ml	10370/QLD-KD	Tiêm truyền	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền	Neovii Biotech GmbH	Đức	Hộp 10 lọ x 5ml	36 tháng	Lọ	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT - PHÁP	140	15,920,000	2,228,800,000
20	29	5	THYMOGAM	Anti thymocyte Globulin (Equine)	250mg	2707/QLD-KD; 3387/QLD-KD	Tiêm	Dung dịch thuốc tiêm	Bharat Serums And Vaccines Ltd	Ấn Độ	Hộp 1 lọ 5ml	24 tháng	Lọ	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC SÀI GÒN	2,000	2,400,000	4,800,000,000
21	31	4	Mezapulgit	Attapulgit mormoiron hoạt hóa+hỗn hợp magnesi carbonat-nhôm hydroxyd	2.5g + 0.5g	VD-19362-13	Uống	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Hộp 30 gói x 3,3g	48 tháng	Gói	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN AN	110,000	1,449	159,390,000
22	32	2	Notrixum	Atracurium Besylat	25mg/2,5ml	VN-20077-16	Tiêm	Dung dịch tiêm	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories	Indonesia	Hộp 5 ống x 2,5ml	24 tháng	Ống	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	500	25,523	12,761,500
23	33	4	Atropin sulfat	Atropin sulfat	0,25mg/1ml	VD-24897-16	Tiêm	Dung dịch tiêm	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Hộp 100 ống x1ml	36 tháng	Ống	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	5,000	420	2,100,000
24	34	5	Winduza	Azacitidine	100mg	VN3-123-19	Tiêm	Bột đông khô pha tiêm	Dr.Reddy's Laboratories Ltd.	Ấn Độ	Hộp 1 lọ	24 tháng	Lọ	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	400	8,064,000	3,225,600,000
25	36	1	Vizimtex	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrat)	500mg	520110070923 (VN-20412-17)	Tiêm truyền	bột pha tiêm truyền	Anfarm hellas S.A.	Hy Lạp	Hộp 01 lọ, Hộp 10 lọ	36 tháng	Lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIPHARCO	500	260,000	130,000,000
26	37	4	Biosyn	Bacillus subtilis	≥10^8 CFU	QLSP-1144-19	Uống	Thuốc bột	Công ty Cổ phần Dược- Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 20 gói x 1g	24 tháng	Gói	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC- TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	23,000	2,898	66,654,000

Phụ lục. DANH MỤC THUỐC TRÚNG THẦU

Generic (gồm 416 danh mục - 5 nhóm)

Kèm theo Quyết định số 738/QĐ-HHTM ngày 17/04/2024 của Viện trưởng Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương

STT	STT trong HSMT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nhóm TCKT	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách đóng gói	Dạng bào chế	Đường dùng	Số GPLH	Hạn dùng	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng trúng thầu	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1. CÔNG TY CỔ PHẦN AMERIVER VIỆT NAM																
1	24	Ampicilin (dưới dạng ampicilin natri); Sulbactam (dưới dạng Sulbactam natri)	Ama - Power	1	1000mg; 500mg	Hộp 50 lọ	Bột pha tiêm	Tiêm	VN-19857-16	36 tháng	S.C. Antibiotice S.A.	Rumani	Lọ	10,000	61,700	617,000,000
2	87	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri)	Cefoxitin 2g	4	2g	Hộp 01 lọ kèm 01 ống nước cất pha tiêm 10ml, Hộp 10 lọ	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm	VD-34760-20	24 tháng	Công ty Cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Việt Nam	Lọ	10,000	85,000	850,000,000
3	92	Ceftizoxim (dưới dạng Ceftizoxim natri)	Ceftizoxim 1g	2	1g	Hộp 10 Lọ x 1g	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm	893110252523 (VD-29757-18)	24 tháng	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	20,000	64,000	1,280,000,000
4	305	Ofloxacin	Ofloxacin 200mg/40mL	2	Mỗi chai 40ml chứa: 200mg	Hộp 1 túi x 1 chai x 40ml; Hộp 10 túi x 1 chai x 40ml	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm/Truyền	893115243623	24 tháng	Chi nhánh Công ty CPDP Imexpharm - Nhà máy Công nghệ Cao Bình Dương	Việt Nam	Chai	7,000	132,000	924,000,000
5	311	Oxacilin (dưới dạng Oxacilin natri)	Oxacillin 1g	2	1g	Hộp 10 lọ	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm	VD-26162-17	24 tháng	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	20,000	45,000	900,000,000
6	352	Saccharomyces boulardii	Zentomyces	4	100mg, ≥ 10^8 CFU	Hộp 30 gói x 1g	Thuốc bột uống	Uống	QLSP-910-15	24 tháng	Công ty liên doanh dược phẩm MEBIPHAR - AUSTRAPHARM	Việt Nam	Gói	50,000	3,591	179,550,000
TỔNG TIỀN:																**4,750,550,000**
2. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE																
1	21	Aminophylin	Diaphyllin Venosum	1	240mg	Hộp 5 ống 5ml	Dung dịch thuốc tiêm	Tiêm	VN-19654-16	60 tháng	Gedeon Richter Plc	Hungary	Ống	500	17,500	8,750,000
2	328	Pipecuronium Bromide	Arduan	1	4mg	Hộp 25 lọ thuốc + 25 lọ dung môi 2ml	Bột đông khô pha tiêm	Tiêm	VN-19653-16	36 tháng	Gedeon Richter Plc	Hungary	Lọ	500	58,000	29,000,000
3	198	Imatinib (dưới dạng imatinib mesylat)	Rofiptil Tablet	5	100mg	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Viên nén bao phim	Uống	VN2-543-17	36 tháng	Jeil Pharmaceutical Co., Ltd	Hàn Quốc	Viên	100,000	20,160	2,016,000,000
TỔNG TIỀN:																**2,053,750,000**
3. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BIFACO																
1	72	Cefamandol	Cefamandol 1g	2	1g	Hộp 10 lọ x 1g	Thuốc tiêm	Tiêm	VD-31706-19	24 tháng	Chi nhánh 3- Công ty Cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	10,000	62,900	629,000,000
TỔNG TIỀN:																**629,000,000**
4. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI																
1	142	Digoxin	Digoxin-BFS	4	0,25mg/1ml	Hộp 10 lọ 1ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	VD-31618-19	36 tháng	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Lọ	200	16,000	3,200,000
2	225	Levobupivacain	Levobupi-BFS 50 mg	4	50mg/10ml	Hộp 10 lọ x 10 ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	VD-28877-18	36 tháng	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Lọ	500	84,000	42,000,000
3	237	Magnesi aspartat + kali aspartat	Kama-BFS	4	(400 mg + 452 mg)/10 ml	Hộp 10 lọ x 10 ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	VD-28876-18	36 tháng	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Lọ	500	16,000	8,000,000

STT	STT trong HSMT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nhóm TCKT	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách đóng gói	Dạng bào chế	Đường dùng	Số GPLH	Hạn dùng	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng trúng thầu	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
28	407	Human Coagulation Factor IX	Immunine 600	5	600 IU	Mỗi kit chứa: 1 lọ bột + 1 lọ nước cất pha tiêm 5ml + 1 kit để pha loãng và tiêm	Bột pha dung dịch tiêm hoặc truyền tĩnh mạch	Tiêm tĩnh mạch	QLSP-1062-17	24 tháng	Takeda Manufacturing Austria AG	Áo	Lọ	8,100	4,788,000	38,782,800,000
29	413	Octocog alfa (recombinant human coagulation factor VIII (rFVIII))	Advate	5	1000 IU	Mỗi kit gồm 1 lọ bột đông khô, 1 lọ nước cất pha tiêm x 2ml và 1 bộ dụng cụ hoàn nguyên và tiêm truyền	Bột đông khô và dung môi pha dung dịch tiêm	Tiêm tĩnh mạch	QLSP-H03-1165-19	24 tháng	CSSX: Baxalta Manufacturing Sarl; Cơ sở xuất xưởng, dán nhãn, đóng gói và kiểm soát chất lượng: Baxalta Belgium Manufacturing S.A. ; Cơ sở sản xuất dung môi: Siegfried Hameln GmbH	CSSX: Thụy Sỹ; Cơ sở xuất xưởng, dán nhãn, đóng gói và kiểm soát chất lượng: Bỉ; Cơ sở sản xuất dung môi: Đức	Bộ	2,500	3,200,000	8,000,000,000
30	414	Octocog alfa (recombinant human coagulation factor VIII (rFVIII))	Advate	5	250 IU	Mỗi kit gồm 1 lọ bột đông khô, 1 lọ nước cất pha tiêm x 2ml và 1 bộ dụng cụ hoàn nguyên và tiêm truyền	Bột đông khô và dung môi pha dung dịch tiêm	Tiêm tĩnh mạch	QLSP-H03-1167-19	24 tháng	CSSX: Baxalta Manufacturing Sarl; Cơ sở xuất xưởng, dán nhãn, đóng gói và kiểm soát chất lượng: Baxalta Belgium Manufacturing S.A. ; Cơ sở sản xuất dung môi: Siegfried Hameln GmbH	CSSX: Thụy Sỹ; Cơ sở xuất xưởng, dán nhãn, đóng gói và kiểm soát chất lượng: Bỉ; Cơ sở sản xuất dung môi: Đức	Bộ	5,000	800,000	4,000,000,000
31	415	Octocog alfa (recombinant human coagulation factor VIII (rFVIII))	Advate	5	500 IU	Mỗi kit gồm 1 lọ bột đông khô, 1 lọ nước cất pha tiêm x 2ml và 1 bộ dụng cụ hoàn nguyên và tiêm truyền	Bột đông khô và dung môi pha dung dịch tiêm	Tiêm tĩnh mạch	QLSP-H03-1168-19	24 tháng	CSSX: Baxalta Manufacturing Sarl; Cơ sở xuất xưởng, dán nhãn, đóng gói và kiểm soát chất lượng: Baxalta Belgium Manufacturing S.A. ; Cơ sở sản xuất dung môi: Siegfried Hameln GmbH	CSSX: Thụy Sỹ; Cơ sở xuất xưởng, dán nhãn, đóng gói và kiểm soát chất lượng: Bỉ; Cơ sở sản xuất dung môi: Đức	Bộ	7,000	1,600,000	11,200,000,000
TỔNG TIỀN:																**148,788,105,980**
51. CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEPHARCO																
1	115	Cytarabin	Cytarabine-Belmed	5	1000mg	Hộp 1 lọ	Bột đông khô pha tiêm	Tiêm/ truyền tĩnh mạch, tiêm dưới da	VN-23201-22	36 tháng	Belmedpreparaty RUE	Belarus	Lọ	10,000	300,000	3,000,000,000
2	170	Fludarabin phosphat	Fludarabine-Belmed	5	50mg	Hộp 1 lọ	Bột đông khô pha tiêm	Truyền tĩnh mạch	VN-22130-19	24 tháng	Belmedpreparaty RUE	Belarus	Lọ	2,000	1,395,000	2,790,000,000
3	250	Methotrexat	Methotrexate-Belmed	5	1000mg	Hộp 1 lọ	Bột đông khô pha dung dịch tiêm truyền	Tiêm/ truyền tĩnh mạch	481114088523 VN3-19-18	24 tháng	Belmedpreparaty RUE	Belarus	Lọ	5,000	899,000	4,495,000,000
TỔNG TIỀN:																**10,285,000,000**
52. CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC SÀI GÒN																

STT	STT trong HSMT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nhóm TCKT	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách đóng gói	Dạng bào chế	Đường dùng	Số GPLH	Hạn dùng	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng trúng thầu	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	29	Anti thymocyte Globulin (Equine)	THYMOGAM	5	250mg	Hộp 1 lọ 5ml	Dung dịch thuốc tiêm	Tiêm	2707/QLD-KD; 3387/QLD-KD	24 tháng	Bharat Serums And Vaccines Ltd	Ấn Độ	Lọ	2,000	2,400,000	4,800,000,000
2	65	Calcium Polystyrene sulfonate	Resincalcio	1	99,75g/100g - 15g	Hộp 26 gói x 15g	Bột pha hỗn dịch uống	Uống	VN-22557-20	36 tháng	Laboratorios Rubió, S.A	Tây Ban Nha	Gói	500	108,497	54,248,500
3	94	Ceftizoxim (dưới dạng Ceftizoxim natri)	Ceftizoxim 2g	2	2g	Hộp 1 lọ, 10 lọ	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm/Truyền	VD-26844-17	24 tháng	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	10,000	93,000	930,000,000
4	106	Cloxacilin (dưới dạng Cloxacilin natri)	Cloxacilin 1g	4	1g	Hộp 10 lọ	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm/Truyền	VD-30589-18	36 tháng	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Việt Nam	Lọ	5,000	39,000	195,000,000
5	109	Natri colistimethat	Colistin TZF	1	1.000.000 IU	Hộp 20 lọ	Bột đông khô pha dung dịch tiêm/truyền và hít	Tiêm/truyền và hít	VN-19363-15	36 tháng	Tarchomin Pharmaceutical Works "Polfa" S.A.	Ba Lan	Lọ	2,300	377,000	867,100,000
6	162	Fentanyl	Durogesic 25 mcg/h	1	4,2mg	Hộp 5 túi nhỏ x 1 miếng dán	Miếng dán phóng thích qua da	Dùng ngoài	VN-19680-16	24 tháng	Janssen Pharmaceutica N.V.	Bỉ	Miếng	3,000	154,350	463,050,000
7	163	Fentanyl	Durogesic 50 mcg/h	1	8,4mg	Hộp 5 túi nhỏ x 1 miếng dán	Miếng dán phóng thích qua da	Dùng ngoài	VN-19681-16	24 tháng	Janssen Pharmaceutica N.V.	Bỉ	Miếng	3,000	282,975	848,925,000
8	165	Fentanyl (dưới dạng fentanyl citrate)	Fentanyl-Hameln 50mcg/ml	1	50mcg/ml x 10 ml	Hộp 10 ống 10ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	VN-17325-13	24 tháng	Siegfried Hameln GmbH	Đức	Ống	500	24,000	12,000,000
9	166	Filgrastim	Ficocyte	4	30 MU/0,5 ml	Hộp 1 bơm tiêm đóng sẵn thuốc (0,5ml)	Dung dịch tiêm	Tiêm	QLSP-1003-17	24 tháng	Công ty cổ phần công nghệ sinh học dược Nanogen	Việt Nam	Bơm tiêm	20,000	330,000	6,600,000,000
10	181	Glucose khan	Glucose 10%	4	10%-250ml	Thùng 30 Chai x 250ml	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền	893110118223	24 tháng	Công ty Cổ phần Kỹ thuật Dược Bình Định	Việt Nam	Chai	1,500	9,093	13,639,500
11	183	Glucose khan	Glucose 5%	4	5g/100ml x 100ml	Thùng 80 chai x 100ml	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm/Truyền	893110118123	24 tháng	Công ty Cổ phần Kỹ thuật Dược Bình Định	Việt Nam	Chai	40,000	7,350	294,000,000
12	184	Glucose khan	Glucose 5%	4	5g/100ml x 250ml	Thùng 30 Chai x 250ml	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm/Truyền	893110118123	24 tháng	Công ty Cổ phần Kỹ thuật Dược Bình Định	Việt Nam	Chai	70,000	7,455	521,850,000
13	228	Linezolid	Lichaunox	1	600mg/300ml	Hộp 1 túi nhựa 300ml; Hộp 10 túi nhựa 300ml	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm/Truyền	VN-21245-18	30 tháng	Pharmaceutical Works Polpharma S.A.	Ba Lan	Túi	2,000	444,500	889,000,000
14	274	Natri clorid	Natri clorid 0,9%	4	0,9g/100ml x 1000ml	Thùng 12 chai x 1000ml	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm/Truyền	893110118423	24 tháng	Công ty Cổ phần Kỹ thuật Dược Bình Định	Việt Nam	Chai	50,000	12,915	645,750,000
15	275	Natri clorid	Natri clorid 0,45%	4	0,45g/100ml x 500ml	Thùng 20 Chai x 500ml	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm/Tiêm truyền	893110118623	24 tháng	Công ty Cổ phần Kỹ thuật Dược Bình Định	Việt Nam	Chai	300	10,500	3,150,000

STT	STT trong HSMT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nhóm TCKT	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách đóng gói	Dạng bào chế	Đường dùng	Số GPLH	Hạn dùng	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng trúng thầu	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
16	277	Natri clorid	Natri clorid 0,9%	4	0,9g/100ml x 250ml	Thùng 30 Chai x 250ml	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm/Truyền	893110118423	24 tháng	Công ty Cổ phần Kỹ thuật Dược Bình Định	Việt Nam	Chai	350,000	7,119	2,491,650,000
17	299	Nước cất pha tiêm	Nước cất pha tiêm	4	100ml	Thùng 80 chai x 100ml	Dung môi pha tiêm	Tiêm truyền	893110118823	24 tháng	Công ty Cổ phần Kỹ thuật Dược Bình Định	Việt Nam	Chai	1,000	6,300	6,300,000
18	361	Sodium Polystyrene sulfonate	Resinsodio	1	99,75g/100g - 400g	Hộp 1 chai 400g	Bột pha hỗn dịch uống	Uống	VN-22558-20	48 tháng	Laboratorios Rubió, S.A	Tây Ban Nha	Chai	100	1,176,630	117,663,000
TỔNG TIỀN:																19,753,326,000
53. CÔNG TY TNHH PHÂN PHỐI LIÊN KẾT QUỐC TẾ																
1	368	Teicoplanin	Tilatep for I.V. Injection 200mg	2	200mg	Hộp 1 lọ bột + 1 ống nước cất pha tiêm 3ml	Bột đông khô pha tiêm	Tiêm	471115081323 (VN-20631-17)	36 tháng	Standard Chem. & Pharm. Co., Ltd	Đài Loan	Lọ	2,000	200,000	400,000,000
TỔNG TIỀN:																400,000,000
54. CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM DUY ANH																
1	203	Immunoglobulin	ProIVIG	5	2,5g/50ml	Hộp 01 chai 50ml	Dung dịch truyền	Tiêm/ Truyền	QLSP-0764-13	36 tháng	Reliance Life Sciences Pvt. Ltd.	Ấn Độ	Chai	700	2,630,000	1,841,000,000
TỔNG TIỀN:																1,841,000,000
55. CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM MINH QUÂN																
1	3	Acid acetylsalicylic	Camzitol	1	100mg	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Viên nén	Uống	VN-22015-19	24 tháng	Farmalabor Produtos Farmacêuticos, S.A (Fab.)	Portugal	Viên	50,000	2,870	143,500,000
2	76	Cefoperazon	Cefoperazone 0,5g	2	0,5g	Hộp 1 lọ, 10 lọ x 0,5g	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm	VD-31708-19	24 tháng	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lọ	10,000	32,000	320,000,000
3	80	Cefoperazon + sulbactam	BASULTAM	1	1g+1g	Hộp 1 lọ bột pha tiêm	Bột pha tiêm bắp, tĩnh mạch	Tiêm	VN-18017-14	24 tháng	Medochemie Ltd. - Factory C	Cyprus	Lọ	20,000	184,000	3,680,000,000
4	136	Dexamethason phosphat	Depaxan	1	4mg/ml	Hộp 10 ống 1ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	VN-21697-19	36 tháng	Rompharm Company S.R.L.	Rumani	Ống	60,000	22,000	1,320,000,000
5	239	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	Apigel-Plus	4	(80mg + 80mg + 8mg)/ml x 10ml	Hộp 20 gói, 30 gói, 50 gói x 10ml	Hỗn dịch uống	Uống	VD-33983-20	36 tháng	Công ty cổ phần dược Apimed	Việt Nam	Gói	20,000	3,900	78,000,000
TỔNG TIỀN:																5,541,500,000
56. CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC THUẬN GIA																
1	54	Calci carbonate + Cholecalciferol (Vitamin D3)	Ideos	1	1250mg + 400IU	Hộp 4 tube x 15 viên nhai	Viên nhai	Uống	VN-19910-16	24 tháng	Innothera Chouzy	Pháp	Viên	10,000	3,390	33,900,000
TỔNG TIỀN:																33,900,000
57. CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC THUẬN LỘC																
1	256	Montelukast (dưới dạng Montelukast natri)	Montesin 5mg	1	5mg	Hộp 4 vỉ x 7 viên	Viên nén nhai	Uống	VN-20383-17	24 tháng	Genepharm S.A.	Greece	Viên	10,000	8,000	80,000,000
2	308	Ondansetron (dưới dạng ondansetron hydroclorid dihydrat)	Onsetron	4	8mg/ 10ml	Hộp 20 ống x 10ml	Dung dịch uống	Uống	VD-34326-20	24 tháng	Công ty cổ phần dược VTYT Hà Nam	Việt Nam	Ống	2,000	16,000	32,000,000
TỔNG TIỀN:																112,000,000
58. CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NAM ĐỒNG																
1	20	Ambroxol hydrochlorid	Drenoxol	1	30mg/ 10mL	Hộp 20 ống x 10mL	Siro	uống	VN-21986-19	30 tháng	Laboratórios Vitória, S.A	Bồ Đào Nha	Ống	10,000	8,600	86,000,000
2	134	Desloratadin	Dasselta	1	5mg	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên nén bao phim	uống	VN-22562-20	36 tháng	KRKA, d.d., Novo mesto	Slovenia	Viên	10,000	5,376	53,760,000

SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN HÙNG VƯƠNG

Số: 07/BMT-TB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 5 năm 2024

THÔNG BÁO
Kết quả lựa chọn nhà thầu

Gói thầu thuốc Generic năm 2023-2024

Chủ đầu tư: Bệnh viện Hùng Vương

Căn cứ quyết định số 2168 /QĐ-BVHV ngày 09/5/2024 của Giám đốc Bệnh viện Hùng Vương phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu thuốc Generic năm 2023-2024.

Bệnh viện Hùng Vương thông báo đến các nhà thầu tham dự Gói thầu thuốc Generic năm 2023-2024 kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu trên như sau:

1. Danh sách nhà thầu trúng thầu: 38 nhà thầu

STT	TÊN NHÀ THẦU	GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG (VND)
1	Công Ty CP Dược Phẩm Agimexpharm	30.825.000
2	Công Ty CP Hóa Dược An Môn	265.797.000
3	Công Ty CP Dược - Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định (Bidiphar)	1.033.656.540
4	Công Ty TNHH Dược Phẩm Châu Á - Thái Bình Dương	644.000.000
5	Công Ty CP Dược Phẩm Trung Ương Codupha	546.045.210
6	Công Ty CP Dược Phẩm CPC1 Hà Nội	346.100.000
7	Công Ty CP Dược Phẩm Trung Ương CPC1	116.595.000
8	Công Ty CP Dược Phẩm Đại Phát	1.540.000.000
9	Công Ty TNHH Dược Phẩm Và Trang Thiết Bị Y Tế Đại Trường Sơn	332.640.000
10	Công Ty CP Dược Danapha	27.430.200
11	Công Ty CP Dược Liệu Trung Ương 2	53.443.002.800
12	Công Ty TNHH Dược Phẩm Gigamed	5.229.085.480
13	Công Ty CP Gonsa	1.717.097.400
14	Công Ty CP Dược Phẩm Hiệp Bách Niên	30.600.000
15	Công Ty TNHH Dược Phẩm Và Trang Thiết Bị Y Tế Hoàng Đức	20.642.070.000

STT	TÊN NHÀ THẦU	GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG (VND)
16	Công Ty CP Thương Mại Dược Hoàng Long	4.030.187.500
17	Công Ty CP Dược Phẩm Hoàng Mai	2.609.460.000
18	Công Ty CP Dược Phẩm Hưng Phúc	728.175.000
19	Công Ty CP Dược Phẩm Hướng Việt	32.324.335
20	Công Ty TNHH Dược Phẩm Huy Cường	759.000.000
21	Công Ty CP Dược Phẩm Imexpharm	1.918.875.000
22	Công Ty CP Dược Phẩm Khương Duy	850.000.000
23	Công Ty CP Hóa - Dược Phẩm Mekophar	279.770.000
24	Công Ty CP Dược Phẩm Minh Dân	914.747.600
25	Công Ty TNHH Dược Phẩm Minh Trí	154.860.000
26	Công Ty CP Vắc Xin Và Sinh Phẩm Nam Hưng Việt	1.461.157.200
27	Công Ty TNHH Dược Phẩm Và Hóa Chất Nam Linh	2.060.415.000
28	Công Ty CP Dược Phẩm OPC	1.025.846.000
29	Công Ty CP Dược Phẩm Dược Liệu Pharmedic	374.697.000
30	Công Ty TNHH Dược Phẩm Phú Phi	12.750.000
31	Công Ty TNHH Dược Phẩm Quang Anh	693.000.000
32	Công Ty TNHH Một Thành Viên Dược Sài Gòn	4.118.631.500
33	Công Ty TNHH Dược Phẩm Shinpoong Daewoo	4.710.000
34	Công Ty CP Xuất Nhập Khẩu Thera	56.100.000
35	Công Ty TNHH Dược Phẩm Uyên My	58.500.000
36	Công Ty TNHH Dược Phẩm Việt Đức	116.970.000
37	Công Ty CP Dược Phẩm Vĩnh Phúc	1.807.201.500
38	Công Ty CP Xuất Nhập Khẩu Y Tế Thành Phố Hồ Chí Minh	659.475.000

2. Loại hợp đồng: hợp đồng theo đơn giá cố định.

3. Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Danh sách nhà thầu không được lựa chọn: 05 nhà thầu

STT	TÊN NHÀ THẦU	TÓM TẮT LÝ DO
1	Công Ty CP Y Tế Amvgroup	Điểm tổng hợp thấp hơn nhà thầu khác
2	Công Ty TNHH Kim Pharma	Không có hàng hóa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
3	Công Ty TNHH Phân Phối Liên Kết Quốc Tế	Điểm tổng hợp thấp hơn nhà thầu khác
4	Công Ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Phương Linh	Không có hàng hóa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
5	Công Ty CP Dược Phẩm Tre Xanh	Nhà thầu từ chối thương thảo trúng thầu

Bệnh viện kính mời các nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu trúng thầu đến hoàn thiện và ký kết hợp đồng theo đúng thời gian và địa điểm trong thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng.

Đối với các nhà thầu không được lựa chọn trúng thầu, đây là văn bản để nhà thầu nhận lại bảo đảm dự thầu.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, KD./.

TỔ TRƯỞNG BÊN MỜI THẦU
GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN HÙNG VƯƠNG

PGS.TS.BS. Hoàng Thị Diễm Tuyết

SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN HÙNG VƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

28

Số: 31 /BMT-TB

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 5 năm 2024

THƯ CHẤP THUẬN E-HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG

Gói thầu thuốc Generic năm 2023-2024

Kính gửi: Công ty TNHH Dược phẩm Minh Tú

Về việc: *Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng*

Căn cứ quyết định số 2168 /QĐ-BVHV ngày 09/5/2024 của Giám đốc Bệnh viện Hùng Vương phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu thuốc Generic năm 2023-2024.

Bệnh viện Hùng Vương xin thông báo đã chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng cho nhà thầu để thực hiện Gói thầu thuốc Generic năm 2023-2024 với giá trị hợp đồng và danh mục hàng hóa trúng thầu theo danh sách đính kèm, thời gian thực hiện hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu đến Khoa Dược, Bệnh viện Hùng Vương để tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Bên mời thầu vào ngày 20/5/2024.

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 17 Chương VIII – Biểu mẫu hợp đồng của E-HSMT với số tiền bằng 3% giá trị hợp đồng và có hiệu lực cho đến sau 30 ngày kể từ ngày hết hiệu lực của hợp đồng.

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu phải có văn bản chấp thuận đến hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên, trong đó nhà thầu phải cam kết năng lực hiện tại của nhà thầu vẫn đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến hết ngày 20 tháng 5 năm 2024 mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

TỔ TRƯỞNG BÊN MỜI THẦU
GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN HÙNG VƯƠNG

PGS.TS.BS. Hoàng Thị Diễm Tuyết

SỞ Y TẾ TP HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN HÙNG VƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 5 năm 2024

DANH MỤC HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

Gói thầu thuốc Generic năm 2023 - 2024

(Đính kèm thư chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng số 31 /BMT-TB ngày 09/5/2024)

Kính gửi: Công Ty TNHH Dược Phẩm Minh Trí

Bệnh viện Hùng Vương xin thông báo đến nhà thầu danh sách và giá của các hàng hóa trúng thầu như sau:

STT	Mã thuốc	Tên hàng hóa mời thầu	Tên thuốc dự thầu	Hoạt chất	Hàm lượng	Đường dùng, quy cách, dạng bào chế	SĐK/ GPNK	Đơn vị	Số lượng trúng thầu	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất
1	26	Calci gluconat	Growpone 10%	Calci gluconat	10%; 10ml	Tiêm - Hộp 10 ống - Dung dịch tiêm	VN-16410-13	Ống	9.100	14.600	132.860.000	Farmak Joint Stock Company - Ukraine
2	144	Phytomenadion (vitamin K1) - không có cồn Benzylic dùng được cho trẻ sơ sinh	Vik 1 Inj	Phytomenadion (vitamin K1) - không có cồn Benzylic dùng được cho trẻ sơ sinh	10mg/1ml; 1ml	Tiêm - Hộp 10 ống - Dung dịch tiêm	VN-21634-18	Ống	2.000	11.000	22.000.000	Dai Han Pharma .Co.Ltd - Korea
										Tổng cộng:	**154.860.000**	

TỔ TRƯỞNG BÊN MỜI THẦU
GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN HÙNG VƯƠNG

PGS.TS.BS. Hoàng Thị Diễm Tuyết

BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN CHỢ RẪY

Số: 232/TB - BVCR

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 4 năm 2024

THÔNG BÁO KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU

"Gói số 02: Gói thầu thuốc generic: 995 mục"

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/06/2014 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ văn bản hợp nhất số 05/VBHN-BYT ngày 12/04/2023 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập (thông tư 15/2019/TT-BYT);

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/05/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 7232/QĐ-BVCR ngày 21/12/2023 của Giám đốc Bệnh viện Chợ Rẫy về việc phê duyệt kế hoạch Lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc lần 2 năm 2024 của Bệnh viện Chợ Rẫy;

Căn cứ Quyết định số 1568/QĐ-BVCR ngày 17/4/2024 của Giám đốc Bệnh viện Chợ Rẫy về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu "Gói số 02: Gói thầu thuốc generic: 995 mục" thuộc kế hoạch Lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc lần 2 năm 2024 của Bệnh viện Chợ Rẫy (hình thức đấu thầu rộng rãi qua mạng);

Bệnh viện Chợ Rẫy xin thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nội dung cụ thể như sau:

1. **Thông tin về gói thầu:**

- Tên gói thầu: Gói số 02: Gói thầu thuốc generic: 995 mục
- Giá gói thầu: 1.975.518.370.379 đồng (995 mục)
- Tên Bên mời thầu: Bệnh viện Chợ Rẫy.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi, qua mạng.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng.

2. **Thông tin về nhà thầu trúng thầu:**

- Nhà thầu: **Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long**
- Giá trúng thầu: 29.236.929.220 đồng.
  Bằng chữ: *Hai mươi chín tỷ, hai trăm ba mươi sáu triệu, chín trăm hai mươi chín ngàn, hai trăm hai mươi đồng.*
- Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định
- Thời gian thực hiện hợp đồng:12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Danh mục hàng hoá trúng thầu: *Phụ lục đính kèm.*
- Nguồn vốn: Nguồn thu từ dịch vụ khám, chữa bệnh của Bệnh viện Chợ Rẫy

Scanned with CamScanner

3. **Danh sách nhà thầu không được lựa chọn:** Phục lục đính kèm (nếu có).

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu TCHC, ĐVĐT

GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN CHỢ RẪY

Nguyễn Tri Thức

Scanned with CamScanner

THÔNG BÁO KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU

GÓI SỐ 02: GÓI THẦU THUỐC GENERIC: 995 MỤC

(Danh mục ban hành kèm theo thông báo số: 232/TB-BVCR , ngày 17 tháng 04 năm 2024)

hà Thầu : Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long

TT	Mã mời thầu	Tên thương mại	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm KT	ĐVT	Giá (sau VAT)	Số lượng	Thành tiền (đồng)	Số đăng ký	Nhà sản xuất - Nước sản xuất
1	PP2300568451	Amitriptyline Hydrochloride 25mg	25mg	Nhóm 2	Viên	2.200	55.686	122.509.200	VD-29099-18	Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi_Việt Nam
2	PP2300568473	Atovze 10/10	10mg; 10mg	Nhóm 2	Viên	5.480	71.785	393.381.800	VD-30484-18	Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi_Việt Nam
3	PP2300568474	Atovze 20/10	20mg; 10mg	Nhóm 2	Viên	6.500	110.231	716.501.500	VD-30485-18	Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi_Việt Nam
4	PP2300568513	Prololsavi 10	10mg	Nhóm 2	Viên	2.950	55.000	162.250.000	VD-29115-18	Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi_Việt Nam
5	PP2300568546	Sartan/HCTZ Plus	32mg + 12,5mg	Nhóm 2	Viên	6.500	94.000	611.000.000	VD-28028-17	Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi_Việt Nam
6	PP2300568550	Sartan	32mg	Nhóm 2	Viên	6.500	120.000	780.000.000	VD-29835-18	Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi_Việt Nam
7	PP2300568576	Cefazolin 2g	2g	Nhóm 2	Lọ	35.700	120.000	4.284.000.000	VD-36135-22	Chi nhánh 3 - Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương_Việt Nam
8	PP2300568633	Tabised 150	150mg	Nhóm 4	Viên	22.990	70.000	1.609.300.000	VD-35211-21	Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi_Việt Nam
9	PP2300568695	Savidimin 1000	900mg; 100mg	Nhóm 2	Viên	5.850	40.000	234.000.000	VD-34734-20	Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi_Việt Nam
10	PP2300568704	Doripenem 0,25g	0,25g	Nhóm 4	Lọ	398.000	4.488	1.786.224.000	VD-25719-16	Công ty Cổ phần Dược phẩm Minh Dân_Việt Nam
11	PP2300568802	SaVi Fluvastatin 40	40mg	Nhóm 2	Viên	6.500	82.080	533.520.000	VD-27047-17	Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi_Việt Nam
12	PP2300568817	Atiganci	500mg	Nhóm 4	Lọ	729.981	280	204.394.680	QLĐB-652-18	Công ty Cổ phần dược phẩm An Thiên_Việt Nam

Scanned with CamScanner

STT	Mã mời thầu	Tên thương mại	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm KT	ĐVT	Giá (sau VAT)	Số lượng	Thành tiền (đồng)	Số đăng ký	Nhà sản xuất - Nước sản xuất
13	PP2300568862	Benivatib 400mg	*400mg*	*Nhóm 1*	*Viên*	99.800	90.040	8.985.992.000	590114445923 (VN3-257-20)	Nobilus Ent, Tomasz Kozluk_Ba Lan
14	PP2300568952	UmenoHCT 20/25	*20mg + 25mg*	*Nhóm 2*	*Viên*	4.180	20.308	84.887.440	VD-29133-18	Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi_Việt Nam
15	PP2300568987	Sitomet 50/500	*500mg + 50mg*	*Nhóm 3*	*Viên*	8.000	300.000	2.400.000.000	893110451023	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam_Việt Nam
16	PP2300569109	Huygesic Fort	*325mg + 37,5mg*	*Nhóm 3*	*Viên*	1.997	2.286.000	4.565.142.000	VD-23425-15	Công ty Cổ phần US Pharma USA_Việt Nam
17	PP2300569155	Pravastatin SaVi 10	*10mg*	*Nhóm 2*	*Viên*	4.150	79.468	329.792.200	VD-25265-16	Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi_Việt Nam
18	PP2300569157	Pravastatin SaVi 40	*40mg*	*Nhóm 2*	*Viên*	6.800	67.993	462.352.400	VD-30492-18	Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi_Việt Nam
19	PP2300569279	Tolucombi 80mg/25mg Tablets	*80mg + 25mg*	*Nhóm 1*	*Viên*	15.500	35.000	542.500.000	VN-22070-19	KRKA, D.D., Novo Mesto_Slovenia
20	PP2300569377	Debomin	*940mg + 10mg*	*Nhóm 4*	*Viên*	2.600	165.070	429.182.000	VD-22507-15	Công ty Cổ phần Dược phẩm Phương Đông_Việt Nam

Tổng trị giá trúng thầu: **29.236.929.220**

Scanned with CamScanner

UBND TỈNH THÁI NGUYÊN
SỞ Y TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 554 /QĐ-SYT

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 03 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu (đợt 1)
Gói thầu 1.443 danh mục thuốc generic
thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc năm 2024-2025 thuộc
Danh mục thuốc đấu thầu tập trung bổ sung của địa phương

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 ngày 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 01/2024/TT-BKHĐT ngày 15 tháng 02 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Y tế: số 03/2019/TT-BYT ngày 28/03/2019 ban hành danh mục thuốc sản xuất trong nước đáp ứng yêu cầu về điều trị, giá thuốc và khả năng cung cấp; số 15/2020/TT-BYT ngày 10/08/2020 về việc ban hành danh mục thuốc đấu thầu, danh mục thuốc đấu thầu tập trung, danh mục được áp dụng hình thức đàm phán giá; số 15/2019/TT-BYT ngày 11/2019 quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập; số 06/2023/TT-BYT ngày 12/3/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11 tháng 7 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1513/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc tổ chức thực hiện đấu thầu thuốc cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2284/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Cung cấp thuốc generic năm 2024-2025 thuộc Danh mục thuốc đấu thầu tập trung bổ sung của địa phương;

Căn cứ Quyết định số 2250/QĐ-SYT ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên phê duyệt Hồ sơ mời thầu Gói thầu 1.443 danh mục thuốc generic thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc năm 2024-2025 thuộc Danh mục thuốc đấu thầu tập trung bổ sung của địa phương;

Căn cứ Quyết định số 88/QĐ-SYT ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Giám đốc Sở Y tế về việc uỷ quyền phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu cung cấp thuốc thuộc thẩm quyền quyết định của Giám đốc Sở Y tế;

Theo đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu (đợt 1) Gói thầu 1.443 danh mục thuốc generic của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tại Tờ trình số 352/TTr-ĐGTS ngày 08 tháng 03 năm 2024 và Báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu số 953/BC-SYT ngày 15 tháng 03 năm 2024 của Hội đồng thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu cung cấp thuốc thông qua đấu thầu tập trung cấp địa phương năm 2024-2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu (đợt 1) Gói thầu 1.443 danh mục thuốc generic thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc năm 2024-2025 thuộc Danh mục thuốc đấu thầu tập trung bổ sung của địa phương, như sau:

1. Tên nhà thầu trúng thầu, giá trúng thầu, danh mục thuốc trúng thầu chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

2. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

3. Thời gian thực hiện hợp đồng: Kể từ ngày kết quả mua thuốc tập trung và thoả thuận khung có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2025.

Điều 2. Giám đốc Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản có trách nhiệm ký thoả thuận khung với nhà thầu được phê duyệt trúng thầu tại Điều 1; chịu trách nhiệm thông báo, công khai kết quả lựa chọn nhà thầu và thực hiện các bước theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng các phòng chức năng thuộc Sở Y tế, Chánh Thanh tra Sở Y tế, Giám đốc các đơn vị y tế trên địa bàn, Giám đốc Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (thực hiện);
- Ban Giám đốc Sở Y tế (để b/c);
- Sở Tư pháp;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- Kho Bạc Nhà nước tỉnh;
- Lưu: VT, NVD (Huyen).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH THÁI NGUYÊN

Hoàng Hải

PHỤ LỤC
DANH SÁCH NHÀ THẦU VÀ THUỐC TRÚNG THẦU
Gói thầu 1.443 danh mục thuốc generic
(Kèm theo Quyết định số 554 /QĐ-SYT ngày 15 tháng 03 năm 2024 Giám đốc Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên)

Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ- hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm TCKT	Hạn dùng	SĐK/ GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1. Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ 2B															
KH2284.0214	SaviProlol Plus HCT 5/6.25	Bisoprolol fumarat + hydroclorothiazid	5mg + 6,25mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	N2	36 tháng	VD-20814-14	CTCP Dược phẩm SaVi	Việt Nam	Viên	16.000	2.326,0	37.216.000
KH2284.0262	Captazib 25/25	Captopril + hydroclorothiazid	25mg + 25mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	N4	36 tháng	VD-32937-19	CTCP Dược phẩm Tipharco	Việt Nam	Viên	160.000	1.500,0	240.000.000
KH2284.0498	Proxaleve	Enalapril + hydrochlorothiazid	10mg + 25mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	N4	36 tháng	893110223523	Công ty TNHH DRP Inter	Việt Nam	Viên	160.000	3.250,0	520.000.000
KH2284.0719	Nadecin 10mg	Isosorbid dinitrat	10mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	N1	36 tháng	VN-17014-13	S.C. Arena Group S.A.	Romania	Viên	14.800	2.600,0	38.480.000
KH2284.0728	Ivaprex 5 tablet	Ivabradin	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên	N2	24 tháng	VN-22953-21	Incepta Pharmaceuticals Ltd.	Bangladesh	Viên	53.000	2.310,0	122.430.000
KH2284.1120	PVP - Iodine 10%	Povidon iodin	10% x 330ml	Dùng ngoài	Dung dịch dùng ngoài	Hộp 1 lọ 330ml	N4	36 tháng	VD-27714-17	CTCP Dược Hà Tĩnh	Việt Nam	Lọ	4.700	43.000,0	202.100.000
Cộng: 6 hạng mục															**1.160.226.000**
2. Công ty cổ phần Dược Á Châu															
KH2284.0457	Elaria 100mg	Diclofenac	100mg	Đặt trực tràng	Viên đạn đặt trực tràng	Hộp 2 vỉ x 5 viên	N1	36 tháng	VN-20017-16	Medochemie Ltd (Cogols Facility)	Cyprus	Viên	6.500	15.000,0	97.500.000
KH2284.0523	Recombinant Human Erythropoietin for Injection	Erythropoietin	2.000IU	Tiêm	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 5 lọ, hộp 1 lọ	N5	24 tháng	QLSP-1017-17	Shanghai Chemo Wanbang Biopharma Co., Ltd	China	Lọ	18.960	145.000,0	2.749.200.000
Cộng: 2 hạng mục															**2.846.700.000**

Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ- hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm TCKT	Hạn dùng	SĐK/ GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước SX	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
KH2284.1062	Dorover Plus	Perindopril tert-butylamin + indapamid	4mg + 1,25mg	Uống	Viên nén	Hộp 1 túi nhôm x 1 vỉ x 30 viên	N4	36 tháng	893110002823	CTCP Xuất nhập khẩu y tế Domesco	Việt Nam	Viên	4.000	1.260,0	5.040.000
KH2284.1305	Tetracyclin 500mg	Tetracyclin hydroclorid	500mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 20 vỉ x 10 viên	N4	36 tháng	VD-23903-15	CTCP Xuất nhập khẩu y tế Domesco	Việt Nam	Viên	14.600	850,0	12.410.000
KH2284.1364	Dozidine MR 35mg	Trimetazidin	35mg	Uống	Viên nén bao phim phóng thích chậm	Hộp 6 vỉ x 10 viên	N3	36 tháng	VD-22629-15	CTCP Xuất nhập khẩu y tế Domesco	Việt Nam	Viên	197.600	409,0	80.818.400
Cộng: 10 hạng mục															**857.954.800**
30. Công ty TNHH Dược phẩm Đông Đô															
KH2284.0524	Epokine Prefilled Injection 4000IU/0,4ml	Erythropoietin	10.000IU/ml x 0,4ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 6 bơm tiêm x 0,4ml	N2	24 tháng	QLSP-0666-13	HK inno.N Corporation	Korea	Bơm tiêm	4.890	250.000,0	1.222.500.000
KH2284.1023	Luotai	Panax notoginseng saponins	200mg	Tiêm/ truyền	Bột đông khô pha tiêm/truyền tĩnh mạch	Hộp 1 lọ bột + 1 ống dung môi. Hộp lớn chứa 6 hộp nhỏ	N5	36 tháng	VN-18348-14	KPC Pharmaceuticals, Inc	China	Lọ	9.400	115.500,0	1.085.700.000
Cộng: 2 hạng mục															**2.308.200.000**
31. Công ty TNHH Dược phẩm Đức Anh (MST 0304819721)															
KH2284.0725	Toulalan	Itoprid	50mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 6 vỉ x 10 viên	N2	36 tháng	VD-27454-17	CTCP Dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Viên	10.000	2.268,0	22.680.000
Cộng: 1 hạng mục															**22.680.000**
32. Công ty TNHH Dược phẩm Đức Anh (MST 0101549325)															
KH2284.0883	Heraprostol	Misoprostol	100mcg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	N4	36 tháng	VD-35257-21	Công ty TNHH Sinh dược phẩm Hera	Việt Nam	Viên	2.000	3.200,0	6.400.000
KH2284.1039	Pagozine	Paracetamol	1g/6,7ml	Tiêm truyền	Dung dịch đậm đặc để pha tiêm truyền	Hộp 5 ống x 6,7ml	N4	24 tháng	VD-28088-17	CTCP Dược phẩm Trung ương I-Pharbaco	Việt Nam	Ống	2.800	24.486,0	68.560.800
Cộng: 2 hạng mục															**74.960.800**